

KIỂM TRA VĂN HỌC

(1 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

- Đánh giá được những hiểu biết về nội dung và nghệ thuật của các văn bản văn học đã học (chú ý những tác phẩm ở đầu Học kì II).
- Thực hành rèn luyện kĩ năng viết (lập ý, dùng từ, viết câu, viết đoạn văn) và kĩ năng phân tích văn bản văn học.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Do vị trí đặc biệt của phần Văn học nên SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập hai có thêm bài kiểm tra cho phần này. Khác với bài kiểm tra ở phần Làm văn thường kiểm tra tích hợp và có cả những đề yêu cầu huy động kiến thức, kĩ năng về đời sống, bài kiểm tra này chỉ tập trung vào các kiến thức và kĩ năng đọc - hiểu các văn bản, tác phẩm đã học trong phần Văn học.

2. Bài kiểm tra này vào khoảng giữa Học kì II, có thể kiểm tra cả những kiến thức Văn học ở Học kì I, nhưng chủ yếu vẫn là những văn bản văn học đã học đầu Học kì II.

SGK nêu lên bốn đề văn tham khảo, mỗi đề bao gồm hai câu. Câu 1 thường kiểm tra các *Tri thức đọc - hiểu* về thể loại, về lịch sử văn học hoặc thuật ngữ lí luận văn học. Những tri thức này gắn với các bài học về tác phẩm cụ thể trong SGK. Những câu kiểm tra tri thức về thể loại này cũng có thể xây dựng thành các câu hỏi trắc nghiệm. Mỗi phương án đưa ra một cách hiểu khác nhau, trong đó có một phương án đúng hoặc đúng nhất để HS lựa chọn. Câu 2 thường yêu cầu viết một bài hoặc đoạn văn ngắn về một điểm nội dung hay nghệ thuật của một tác phẩm đã học nào đó, chẳng hạn : Viết bài văn ngắn (nhiều nhất là hai trang giấy) phân tích cách trình bày tư tưởng nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam qua bài *Đại cáo bình Ngô*. Cũng có khi yêu cầu HS rút ra những điểm cần lưu ý về phương pháp đọc - hiểu, chẳng hạn : Theo anh (chị), để đọc - hiểu thể *cáo* cần chú ý những điểm nào ? (minh hoạ qua *Đại cáo bình Ngô*).

3. Trong thời gian 1 tiết, bài kiểm tra có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi (bao gồm câu hỏi trắc nghiệm và câu hỏi tự luận). Đề văn cũng có thể yêu cầu HS

phải viết một bài văn, đoạn văn ngắn phù hợp với thời gian 45 phút. Cũng do thời gian có hạn, không nên yêu cầu quá cao về dung lượng cũng như độ khó của đề. Thường chỉ yêu cầu HS trả lời các câu hỏi.

4. Do yêu cầu luyện tập, SGK nêu bốn đề văn cốt là để HS phân tích, nhận diện và củng cố cho các bài văn vừa học. Khi tiến hành kiểm tra, GV hoàn toàn có thể tự ra đề khác, miễn là đáp ứng được các yêu cầu về nội dung và hình thức cần kiểm tra như đã trình bày ở trên.

Trong trường hợp GV không tự ra đề thì có thể lựa chọn một trong bốn đề mà SGK đã nêu.

III – GỢI Ý VỀ CÁCH LÀM CÁC ĐỀ VĂN

Đề 1

1. Anh (chị) hiểu thế nào là thể *truyện kì* qua tác phẩm *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên* ?

Gợi ý : Chỉ cần nêu được nội dung thể loại truyện kì ở phần *Tri thức đọc - hiểu* trong bài *Chuyện chức phán sự đền Tản Viên*.

2. Viết một bài văn ngắn (nhiều nhất là hai trang giấy) phân tích cách lập luận của Nguyễn Trãi về tư tưởng nhân nghĩa trong tác phẩm *Đại cáo bình Ngô*.

Gợi ý : *Đại cáo bình Ngô* là một áng văn nghị luận trung đại nổi tiếng. Văn nghị luận đòi hỏi cách lập luận phải rất chặt chẽ. Bao trùm toàn bộ bài cáo là tư tưởng nhân nghĩa. Tư tưởng ấy đã được Nguyễn Trãi trình bày bằng một lập luận hết sức sắc sảo và đầy sức thuyết phục. HS cần phân tích được cách lập luận về tư tưởng nhân nghĩa của dân tộc Việt Nam trong bài cáo chứ không phải chỉ là bản thân nội dung tư tưởng nhân nghĩa. Như thế, người viết cần chỉ ra cách lập luận về tư tưởng nhân nghĩa : từ đâu bài cáo nêu lập trường "đem đại nghĩa... lấy chí nhân..." như thế nào ? Do lập trường đó mà nghĩa quân đã hành động như thế nào ; kháng chiến trừ bạo ra sao ; chiến thắng rồi đối xử với kẻ thù thế nào và bảo toàn quân đội, để dân nghỉ sức ra sao,... ?

Đề 2

1. Anh (chị) hiểu thế nào là *văn biên ngẫu* ? Hãy phân tích một số ví dụ trong các tác phẩm đã học để làm sáng tỏ.

Gợi ý : Về *văn biên ngẫu*, đã có giải thích ở phần *Tri thức đọc - hiểu* trong SGK, HS chỉ cần trình bày lại và lấy một số ví dụ trong các bài

Phú sông Bạch Đằng hoặc *Đại cáo bình Ngô* để làm sáng tỏ. Tham khảo thêm cách giải thích sau :

Biên ngẫu : "Theo nghĩa từ nguyên, *biên* là hai con ngựa chạy song song với nhau và *ngẫu* là chẵn đôi. *Biên ngẫu* là cách nói hình tượng hoá, chỉ một thể văn trong đó có các câu văn sóng đôi đối nhau từng cặp"⁽¹⁾.

2. Anh (chị) hãy phát biểu suy nghĩ của mình sau khi học bài *Phú sông Bạch Đằng* của Trương Hán Siêu (viết khoảng một trang giấy).

Gợi ý : Đề có tính chất như là một tình huống giả định. Giả sử anh (chị) chưa biết sông Bạch Đằng là con sông như thế nào. Bây giờ học xong bài phú về con sông ấy, anh (chị) biết những gì về nó và có những suy nghĩ, tình cảm như thế nào trước con sông ấy. Thực chất là trình bày những hiểu biết, suy nghĩ, tình cảm của người viết về con sông Bạch Đằng qua bài phú của Trương Hán Siêu.

Đề 3

1. Hãy trình bày vắn tắt cuộc đời và sự nghiệp văn học của Nguyễn Trãi (trong một trang giấy).

Gợi ý : HS đã được học bài tác gia Nguyễn Trãi, ở đây chỉ yêu cầu trình bày lại một cách ngắn gọn. Cần nêu được các ý cơ bản về cuộc đời (vị anh hùng dân tộc, nhà văn hoá lớn), sự nghiệp thơ văn (nhà văn, nhà thơ lớn) và bài học sâu sắc về cuộc đời, sự nghiệp của Nguyễn Trãi.

2. Viết một đoạn văn ngắn so sánh tính cách của nhân vật Trương Phi và Quan Công qua *Hồi trống Cổ Thành* (trích *Tam quốc diễn nghĩa* của La Quán Trung).

Gợi ý : Phân tích làm nổi bật những nét tính cách khác nhau của hai nhân vật nổi tiếng trong *Tam quốc* : Trương Phi và Quan Công. Những nét tính cách đó được thể hiện rất rõ trong đoạn trích *Hồi trống Cổ Thành*, nhất là nhân vật Trương Phi. HS đã được học nên hoàn toàn có thể so sánh được.

Đề 4

1. Từ bài *Tựa "Trích diễm thi tập"* của Hoàng Đức Lương, anh (chị) hiểu thế nào là một bài *tựa*.

(1) *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục, 2006.

Gợi ý : Để nắm được nội dung và thể thức bài *tựa*, xem phần *Tri thức đọc - hiểu* ở trong SGK. Từ đó, chỉ ra đặc điểm và nội dung cụ thể qua bài *tựa* của Hoàng Đức Lương.

2. Tư thế và trách nhiệm của nhà bình sử Lê Văn Hưu biểu hiện qua đoạn trích *Phẩm bình nhân vật lịch sử* như thế nào ?

Gợi ý : Văn bình sử mang tính chất chính luận, bộc lộ trực tiếp quan điểm và thái độ của người viết. Ngôn ngữ bình sử ngắn gọn, sắc sảo. Qua những đoạn bình sử thấy rõ tư thế hiên ngang, ngay thẳng và dũng khí của tác giả khi viết về vua chúa, cường quyền. Qua nội dung bình sử cũng thấy rõ trách nhiệm của tác giả đối với đất nước.